

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào điều 212, điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 04/9/2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 122/2026/TLST-KDTM ngày 28/5/2026 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện. Nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH Thương mại Quốc tế C;

Trụ sở: Tầng 26, 27, 28 Cao ốc STC, số 37 TĐT, phường SG, Thành phố HCM.

Đại diện theo pháp luật: Ông KYC – Giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông LMB (theo Giấy uỷ quyền số 02T.2025/GUQ-COL ngày 02/01/2025)

Địa chỉ liên hệ: Tầng 20, tòa nhà CEO, lô HH2-1 PH, phường TL, Thành phố HN.

Đại diện uỷ quyền lại: ông TQD (Theo Giấy uỷ quyền số 80T.2025/GUQ-COL ngày 18/12/2025)

- Bị đơn: Công ty Cổ phần XNK và XD BN.

Địa chỉ: Số 19 ngõ 84/4 phố YH, phường YH, Thành phố HN.

Đại diện theo pháp luật: Ông VQL – Tổng Giám đốc.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông VQL, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Số 19 ngõ 84/4 phố YH, phường YH, Thành phố HN.

2. Ông VQT, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Tổ 9 phường YH, Thành phố HN.

3. Bà NTTP, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Tổ 16 phường YH, Thành phố HN.

Đại diện ủy quyền của ông VQT và bà NTTP: Ông VQL (Theo Giấy ủy quyền ngày 25/8/2026)

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về việc ký kết hợp đồng, các đương sự xác nhận:

Công ty TNHH Thương mại Quốc tế C và Công ty CP CNK BN đã ký kết các Hợp đồng bán hàng số **T230674H9** ngày **23/11/2023** và **T240466H9** ngày **27/04/2024**.

Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Bị đơn, Công ty Chailease chấp nhận các thư bảo lãnh thanh toán của cá nhân của ông **VQL**, ông **VQT** và bà **NTTP** cùng ký ngày **14/11/2023** và ngày **27/06/2024**. Theo đó, trường hợp Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng, ông **VQL**, ông **VQT** và bà **NTTP** cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ thay cho Công ty CP CNK BN.

Ngoài ra, Công ty CP CNK BN đồng ý chuyển cho Nguyên đơn các khoản tiền đặt cọc lần lượt là 122,170,356 đồng, 138,735,828 đồng, 140,806,512 đồng, 140,185,307 đồng, 47,625,732 đồng (*cho các đơn hàng T230674H9-001, T230674H9-002, T230674H9-003, T230674H9-004, T230674H9-005*) và 124,241,040 đồng, 127,554,134 đồng (*cho các đơn hàng T240466H9-001 và T240466H9-002*) tổng cộng: 841.318.909 đồng nhằm đảm bảo thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Thời hạn, số lần thanh toán, tổng giá trị hàng hóa, tiền trả trước và số tiền trả dần mà Bị đơn có nghĩa vụ thực hiện đối với Nguyên đơn được thể hiện trong hợp đồng và lịch trình thanh toán trong các đơn đặt hàng cụ thể như sau:

+ Hợp đồng T230674H9: (đơn vị tính: VNĐ)

STT	Đơn đặt hàng	T230674H9-001	T230674H9-002	T230674H9-003	T230674H9-004	T230674H9-005
1	Thời gian thanh toán	Từ ngày 25/12/2023 đến ngày 25/11/2025				

2	Tiền trả trước	40,723,452	46,245,276	46,935,504	46,728,436	15,875,244
3	Tiền đặt cọc	122,170,356	138,735,828	140,806,512	140,185,307	47,625,732
4	Số tiền trả dần	773,745,588	878,660,244	891,774,576	887,840,276	301,629,636
5	Số tiền chênh lệch	112,722,515	128,006,924	129,917,475	129,344,310	43,942,675
6	Số tiền trả dần theo định kỳ (4+5)	886,468,103	1,006,667,168	1,021,692,051	1,017,184,586	345,572,311

+ Hợp đồng T230466H9:

STT	Đơn đặt hàng	T240466H9-001	T240466H9-002	Tổng cộng
1	Thời gian thanh toán	Từ ngày 25/07/2024 đến ngày 25/09/2025		
2	Tiền trả trước	41,413,680	42,518,045	83,931,725
3	Tiền đặt cọc	124,241,040	127,554,134	251,795,174
4	Số tiền trả dần	786,859,920	807,842,851	1,594,702,771
5	Số tiền chênh lệch	57,979,152	59,525,263	117,504,415
6	Số tiền trả dần theo định kỳ (4+5)	844,839,072	867,368,114	1,712,207,186

2. Các bên đương sự thỏa thuận:

- Công ty TNHH Thương mại Quốc tế C và Công ty CP CNK BN xác nhận dư nợ còn lại tính đến ngày 04/9/2026, Công ty CP CNK BN còn nợ Công ty TNHH Thương mại Quốc tế C số tiền là **2,612,500,556 đồng** (Hai tỷ, sáu trăm mười hai triệu năm trăm nghìn năm trăm năm mươi sáu đồng). Trong đó:

Nợ gốc: 2,350,766,979 đồng.

Nợ lãi chậm trả: 261,733,577 đồng.

STT	Giấy báo thanh toán	Nợ gốc	Lãi chậm trả tạm tính đến ngày 04/9/2026	Tổng các khoản tiền còn nợ
1	T230674H9A	295,489,367	32,298,587	327,887,954
2	T230674H9B	362,079,231	40,244,935	402,324,166
3	T230674H9C	383,134,521	42,596,861	425,731,382
4	T230674H9D	381,444,221	42,407,761	423,853,155
5	T230674H9E	129,589,621	14,407,761	143,853,155
6	T240466H9A	394,258,232	44,248,273	428,506,505
7	T240466H9B	404,771,786	45,428,226	450,200,012
Tổng		2,350,766,979	261,733,577	2,612,500,556
Bảng chữ: Hai tỷ, sáu trăm mười hai triệu, năm trăm nghìn, năm trăm năm mươi sáu đồng.				

- Buộc Công ty CP CNK BN phải thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại Quốc tế C theo Hợp đồng bán hàng số T230674H9 ngày 23/11/2023 và T240466H9 ngày 27/04/2024 tổng số tiền là **2,612,500,556 đồng** (Hai tỷ, sáu trăm mười hai triệu, năm trăm nghìn, năm trăm năm mươi sáu đồng).

- Kể từ ngày 5/9/2026, Công ty CP CNK BN còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh tính trên nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất chậm thanh toán thỏa thuận trong các Hợp đồng bán hàng trả dần là 8.70%/năm cho đến khi thanh toán xong nợ gốc còn lại.

- Công ty TNHH Thương mại Quốc tế C xác nhận đang giữ 841.318.909 đồng tiền đặt cọc của Công ty CP CNK BN. Hai bên thống nhất khoản tiền 841.318.909 đồng (tám trăm bốn mươi triệu, ba trăm mười tám ngàn, chín trăm linh chín đồng) được trừ vào nợ gốc khi dư nợ gốc còn lại bằng hoặc thấp hơn số tiền này.

- Trường hợp Công ty CP CNK BN không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ, Công ty TNHH Thương mại Quốc tế C có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự buộc Ông VQL, ông VQT và bà NTTP có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại Quốc tế C đầy đủ số tiền còn nợ chưa thanh toán.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại khoản 1 Điều 34, Điều 36 và Điều 72 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Công ty CP CNK BN tự nguyện chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Công ty CP CNK BN phải chịu 42.125.000 đồng (bốn mươi hai triệu, một trăm hai mươi lăm ngàn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty TNHH Thương mại Quốc tế C không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả Công ty TNHH Thương mại Quốc tế C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) theo Biên lai thu, tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 0012720 ngày 27/5/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND khu vực 4 – Hà Nội.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Quốc Tuấn